

Bản án số: 186/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông **Ngô Tiến Thành**,
 2. Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 776/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/8/2017, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Trần Thị Ái Q**, sinh năm 1984
Địa chỉ: Tổ 8, Võ Cạnh, Vĩnh Trung, Nha Trang. Có mặt
2. **Bị đơn:** **Bùi Ngọc T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 8, Võ Cạnh, Vĩnh Trung, Nha Trang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 26/6/2017, bản tự khai ngày 11/7/2017, biên bản hòa giải ngày 11/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị **Trần Thị Ái Q** trình bày: **Chị và anh Bùi Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2007. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.**

Về con chung: Chị **Trần Thị Ái Q** và anh **Bùi Ngọc T** đều thừa nhận có 01 con chung là **Bùi Phương C**, sinh ngày 06/3/2009. Nay chị **Q** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung **Bùi Phương C**, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 11/7/2017, anh Bùi Ngọc T trình bày: Anh T thừa nhận vợ chồng tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2007 như chị Q đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị Q yêu cầu ly hôn anh Thạch đồng ý.*

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Phương C, sinh ngày 06/3/2009. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Bùi Phương C, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Ái Q và anh Bùi Ngọc T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Do trong cuộc sống vợ chồng chị Q và anh T luôn bất đồng quan điểm nên dẫn đến việc chị Q xin ly hôn. Xét việc ly hôn của chị Q là đúng pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đối với vụ án tranh chấp về nuôi con khi ly hôn hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên...*” và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Bùi Phương C, sinh ngày 06/3/2009, nguyện vọng của cháu C là được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành niêm yết công khai tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trung, thành phố Nha Trang và tại địa chỉ nơi ở của anh Bùi Ngọc T: Tổ 8 Võ Cạnh, xã Vĩnh Trung, Nha Trang theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ái Q và anh Bùi Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 104/2007 cấp ngày 28/6/2007). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị Q cho thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng về quan điểm từ đó xảy ra kinh cãi và mâu thuẫn kéo dài; mặc dù hai bên nhiều lần tự hòa giải để tiếp tục chung sống nuôi dạy con cái nhưng không đạt

được kết quả. Vì vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cuộc sống chung không thể kéo dài. Đối với lời khai của anh T, anh T thừa nhận quá trình chung sống và kết hôn đúng như chị Q trình bày. Anh T xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm sống là do tính tình không hòa hợp và xảy ra kinh cãi kéo dài, không thể chung sống với nhau được nữa nên anh T đồng ý ly hôn.

Qua lời khai của chị Q, anh T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh T có nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài; hiện nay chị Q khẳng định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn. Đồng thời anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị Q nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng cuộc sống chung của chị Q và anh T có nhiều mâu thuẫn, hai bên xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được và cả hai thuận tình ly hôn, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với Điều 55 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị Q có nguyện vọng được nuôi con chung Bùi Phương C không yêu cầu cấp dưỡng; anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Bùi Phương C đang được chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định, chị Q có nghề nghiệp và nguồn thu nhập ổn định đảm bảo cho cháu được phát triển toàn diện. Ngoài ra nguyện vọng của cháu C là được ở cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn, chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng của cháu C cũng như của chị Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

** Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Quá trình chung sống các đương sự xảy ra mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn, được trực tiếp nuôi con chung, và không yêu cầu giải quyết tài sản như nêu trên là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ái Q và anh Bùi Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Phương C, sinh ngày 06/3/2009 cho chị Trần Thị Ái Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Bùi Ngọc T.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị Trần Thị Ái Q phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007096 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. Nha Trang;
- Đương sự;
- Chi cục THADS NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Ký tên)

Bùi Thị Bích Liễu